

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST.

Ngày 31- 8 - 2023.

V/v tranh chấp: “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương và bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Ngân - Là Thư ký tòa án nhân dân thành phố Phủ lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 về việc “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991.

ĐKNKTT: Tổ 3, phường QT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: Thôn BS, xã TS, Hện KB, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ 3, phường QT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa: Anh H có mặt, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân H đăng ký kết hôn vào ngày 10/01/2011 tại Ủy ban nhân dân phường QT, thành phố PL. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình bố mẹ anh H, cuộc sống hạnh phúc được khoảng vài năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Từ khoảng tháng 6 năm 2016 đến nay chồng sống ly thân, vợ chồng

không còn quan tâm đến nhau nữa.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân D, sinh ngày 09/4/2012 và cháu Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 18/12/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay cả hai con chung đều đang ở cùng với anh H, do anh H chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản, công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Ngoài ra chị T còn trình bày: Từ khi sinh con thứ hai kinh tế gia đình khó khăn hơn nên vợ chồng bắt đầu xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Để giải quyết vấn đề kinh tế chị T đã đi làm công nhân nhưng cũng từ đó anh H lại nảy sinh nghi ngờ các mối quan hệ bạn bè của chị T và ghen tuông vô cớ. Cuộc sống căng thẳng hơn khi giữa chị T và mẹ anh H cũng không hòa hợp. Khoảng năm 2016 sau khi vợ chồng xảy ra cãi vã chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Khi ly hôn chị T tự nguyện giao cả hai con chung cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

* Bị đơn anh Nguyễn Xuân H còn trình bày như sau: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau khoảng 05 năm thì chị T tự ý bỏ ba bố con anh về nhà ngoại sinh sống mặc dù giữa chị T và anh H không có mâu thuẫn gì lớn. Từ tháng 6 năm 2016 đến nay giữa anh H và chị T không liên lạc, quan tâm gì đến nhau. Từ khi chị T bỏ đi một mình anh chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cả hai con mà không có bất cứ sự quan tâm về vật chất cũng như tinh thần nào từ chị T. Nay chị T xin ly hôn thì anh H không nhất trí nhưng nếu phải ly hôn thì anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung và không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H. Tại phiên tòa, anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn đã từ lâu nhưng anh không nhất trí ly hôn; nếu phải ly hôn anh xin trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/01 cháu/01 tháng.

* Tại phiên tòa hôm nay:

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó và không có thay đổi bổ sung gì.

Anh Nguyễn Xuân H không đồng ý ly hôn với chị T, nếu ly hôn thì anh xin được nuôi cả hai con chung và yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh là 1.000.000đ/01 tháng/01 cháu. Về tài sản và công nợ, anh H xác định vợ chồng không có gì, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 68; 144; 147; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

+ Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân H.

+ Về con chung: Đề nghị giao cả 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân D, sinh ngày 09/4/2012 và cháu Nguyễn Thị T D, sinh ngày 18/12/2013 cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H theo quy định pháp luật. Chị T được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Anh H và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

+ Án phí: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Xuân H cư trú tại: Tổ 3, phường QT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án “Tranh chấp kiện ly hôn, nuôi con chung” giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn có mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn vắng mặt có lý do và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy việc xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/01/2011 tại UBND phường QT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam, nên thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử thấy: Chị T và anh H sau khi kết hôn đã có thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng có xảy ra bất hòa xuất phát từ hoàn cảnh kinh tế, công việc cho thấy sự quan tâm sẻ chia những khó khăn trong cuộc sống giữa hai vợ chồng chưa đủ để xây dựng gia đình đầm ấm, hạnh phúc. Khi xảy ra mâu thuẫn cả hai đều chưa đưa ra giải pháp để giải quyết mâu thuẫn, mà phía chị T lại lựa chọn phương án bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống dẫn đến hậu quả vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân khá dài từ năm 2016 đến nay cả hai đều lạnh nhạt, không quan tâm đến nhau cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể kéo dài cuộc hôn nhân do mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không thể đoàn tụ được, nên cần xử lý hôn giữa chị T và anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân D, sinh ngày 09/4/2012 và cháu Nguyễn Thị T D, sinh ngày 18/12/2013. Khi ly hôn, anh H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T cũng tự nguyện giao cả hai con chung cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Do anh H có yêu cầu cấp dưỡng nên chị T cần phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H. Anh H yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh mỗi tháng cho mỗi cháu là 1.000.000đ. Xét thấy yêu cầu này của anh H là phù hợp với quy định của pháp luật và cũng là thể hiện trách nhiệm của chị T đối với con chung. Do vậy cần giao cho anh Nguyễn Xuân H được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân D và cháu Nguyễn Thị T D, chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H là 1.000.000đ/01 tháng/01 cháu cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

- Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có con nuôi, con riêng, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 144; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân H.

[2] Về con chung: Giao anh Nguyễn Xuân H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là cháu Nguyễn Xuân D, sinh ngày 09/4/2012 và cháu Nguyễn Thị T D, sinh ngày 18/12/2013, chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H là 1.000.000đ/01 tháng/01 cháu kể từ tháng 8 năm 2023 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ và nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ. Tổng cộng chị T phải nộp là 600.000đ. Chị T được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0001662 ngày 05 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị T còn phải nộp tiếp 300.000đ.

[4] Về quyền kháng cáo bản án: Anh H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự TP Phủ Lý;
- UBND phường Quang Trung, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuyên